

Số: 523 /CPNT2-ATSKMT

Tp.Đồng Nai, ngày 15 tháng 05 năm 2026

V/v: Báo giá dự toán công việc kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo, quan trắc đối chứng và lập báo cáo kiểm soát chất lượng hệ thống quan trắc online nước thải NMD Nhơn Trạch 2 năm 2026.

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà thầu tham dự chào giá lập dự toán

Hiện nay, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (PVPower NT2) đang triển khai xây dựng dự toán thực hiện công việc thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo, quan trắc đối chứng và lập báo cáo kiểm soát chất lượng hệ thống quan trắc online nước thải NMD Nhơn Trạch 2 năm 2026, gồm những nội dung chi tiết như phạm vi công việc đính kèm.

Để có cơ sở xây dựng dự toán cho gói thầu trình cấp có thẩm quyền của Công ty phê duyệt, PVPower NT2 kính mời Quý Nhà thầu báo giá cho phạm vi công việc như trên để PVPower NT2 xem xét.

- Hình thức gửi báo giá: gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax/ Email;
- Thông tin tiếp nhận báo giá: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 - Ấp 3, xã Đại Phước, Tp. Đồng Nai; Điện thoại: 0251 2225899; Fax : 0251 2225897; Email: vanthu@pvnt2.com.vn

Thời gian tiếp nhận báo giá: trước 16h00 ngày 20/05/2026

Rất mong nhận được báo giá của Quý Nhà thầu.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD (để b/c);
- P.TCKT, P.TM-TTĐ;
- Lưu VT, ATSKMT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Quyền

PHẠM VI CÔNG VIỆC

KIỂM ĐỊNH, HIỆU CHUẨN THIẾT BỊ, QUAN TRẮC ĐỐI CHỨNG VÀ LẬP BÁO CÁO KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG HỆ THỐNG QUAN TRẮC TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC NƯỚC THẢI NMĐ NHƠN TRẠCH 2 NĂM 2026

I. Các căn cứ pháp lý

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 về việc Quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;
- Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15/04/2024 về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/09/2013 của Bộ Khoa học Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/07/2019 của Bộ trưởng Bộ khoa học và Công nghệ;
- Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/09/2013 của Bộ Khoa học Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2.

II. Phạm vi công việc

Công việc kiểm định, hiệu chuẩn, quan trắc đối chứng và lập báo cáo kiểm soát chất lượng của hệ thống quan trắc tự động liên tục nước thải NMĐ Nhơn Trạch 2 năm 2026 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành với nội dung như sau:

1. Đối với hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải làm mát

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Số lượng
<i>I</i>	<i>Hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị đo</i>		
1	Kiểm định thiết bị đo pH: - Mã hiệu: AMI-2/A-87.120.200 - Dải đo: (2 ÷ 12) pH - Hãng sản xuất: SWAN	Thiết bị	01
2	Kiểm định thiết bị đo Clo dư: - Mã hiệu: AMI CODES A-87.531.100 - Dải đo: (0 ÷ 5) mg/L - Hãng sản xuất: SWAN	Thiết bị	01
3	Hiệu chuẩn thiết bị đo lưu lượng ống kín siêu âm Flexim nước làm mát đầu vào DN2850: - Mã hiệu: Fluxus F721GP-NN01S/CDG1LI8 - Dải đo: (0,01 ÷ 25) m/s - Đường kính ống: DN2850 - Hãng sản xuất: FLEXIM	Thiết bị	01
4	Hiệu chuẩn thiết bị đo nhiệt độ:	Thiết bị	01

373/6
CÔNG TY
PHÂN
TÍCH ĐẦU
TRẠCH 2

	<ul style="list-style-type: none"> - Mã hiệu: AMI-2/A-87.027.020 - Dãi đo: (-30 ÷ 100) °C - Hãng sản xuất: SWAN 		
II	<i>Quan trắc đối chứng (Các thông số quan trắc của hệ thống quan trắc theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021)</i>		
1	pH	Mẫu	06
2	Clo dư	Mẫu	06
3	Nhiệt độ	Mẫu	06
4	Lưu lượng (02 thiết bị đo lưu lượng)	Mẫu	12
III	<i>Lập báo cáo kiểm soát chất lượng của hệ thống, đánh giá độ chính xác tương đối RA (theo quy định tại Mục 6, Điều 35 của Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021)</i>	Gói	01

2. Hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải sản xuất và sinh hoạt

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Số lượng
I	<i>Hiệu chuẩn, kiểm định thiết bị đo</i>		
1	Kiểm định thiết bị đo TSS: <ul style="list-style-type: none"> - Mã hiệu: SC1000/Solitax TS-Line - Dãi đo: (0,001 ÷ 50) g/L - Hãng sản xuất: HACH 	Thiết bị	01
2	Kiểm định thiết bị đo pH: <ul style="list-style-type: none"> - Mã hiệu: SC1000/DPD1P1 - Dãi đo: (0 ÷ 14) pH - Hãng sản xuất: HACH 	Thiết bị	01
3	Kiểm định thiết bị đo COD: <ul style="list-style-type: none"> - Mã hiệu: SC1000/UVAS PLUS SC - Dãi đo: (0 ÷ 1000) mg/L - Hãng sản xuất: HACH 	Thiết bị	01
4	Kiểm định thiết bị đo Amoni: <ul style="list-style-type: none"> - Mã hiệu: SC1000/AISE-SC - Dãi đo: (0 ÷ 1000) mg/L - Hãng sản xuất: HACH 	Thiết bị	01
5	Hiệu chuẩn thiết bị đo nhiệt độ: <ul style="list-style-type: none"> - Mã hiệu: SC1000/DPD1P1 	Thiết bị	01

	<ul style="list-style-type: none"> - Dải đo: (-5 ÷ 70) °C - Hãng sản xuất: HACH 		
6	Hiệu chuẩn thiết bị đo lưu lượng ống kín siêu âm Sitrans FST030 của hãng Siemens có DN50: <ul style="list-style-type: none"> - Mã hiệu: SITRANS FS320 - Dải đo: (0 ÷ 50) m³/s - Đường kính ống: DN50 - Hãng sản xuất: SIEMENS AG 	Thiết bị	01
7	Hiệu chuẩn đồng hồ nước lạnh có cơ cấu điện tử: <ul style="list-style-type: none"> - Mã hiệu: SITRANS F M MAG 5100W/ SITRANS F M MAG 6000 - Đường kính định danh: DN100 - Lưu lượng định danh: 63 m³/h - Hãng: Siemens AG 	Thiết bị	03
8	Kiểm định đồng hồ nước lạnh có cơ cấu điện tử: <ul style="list-style-type: none"> - Mã hiệu: SITRANS F M MAG 5100W/ SITRANS F M MAG 6000 - Đường kính định danh: DN150 - Lưu lượng định danh: 160 m³/h - Hãng: Siemens AG 	Thiết bị	01
II	<i>Quan trắc đối chứng ((Các thông số quan trắc của hệ thống quan trắc theo Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021)</i>		
1	TSS	Mẫu	06
2	pH	Mẫu	06
3	COD	Mẫu	06
4	Amoni	Mẫu	06
5	Nhiệt độ	Mẫu	06
6	Lưu lượng (05 thiết bị đo lưu lượng)	Mẫu	30
III	<i>Lập báo cáo kiểm soát chất lượng của hệ thống, đánh giá độ chính xác tương đối RA (theo quy định tại Mục 6, Điều 35 của Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021)</i>	Gói	01



III. Thời gian và địa điểm thực hiện công việc

1. Thời gian thực hiện công việc: 120 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng

Địa điểm thực hiện công việc: tại hiện trường Nhà máy điện Nhơn Trạch 2, ấp 3, xã Đại Phước, Tp. Đồng Nai và tại phòng thí nghiệm/văn phòng của nhà thầu.